

**CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN
YÊN BÀI**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

<i>Nội dung</i>	<i>Trang</i>
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5-6
Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán	7-52
<i>Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	7-10
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp năm 2023</i>	11
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp năm 2023</i>	12-13
<i>Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023</i>	14-46
<i>Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi</i>	47-52

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được kiểm toán.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái (trước đây là Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bái) được thành lập theo Quyết định số 376/QĐ-UB ngày 17 tháng 12 năm 2003 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200216647 ngày 01 tháng 01 năm 2004 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp bổ sung 13 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi ngành nghề kinh doanh, tên công ty, người đại diện theo pháp luật và vốn điều lệ của công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 13 ngày 14 tháng 5 năm 2020 thay đổi vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 13: 118.000.000.000 đồng
Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2023: 118.000.000.000 đồng

TRỤ SỞ HOẠT ĐỘNG:

Địa chỉ : Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
Điện thoại : 0216 3885154
Fax : 0216 3885585
E-mail : ximangyb@gmail.com
Website : www.ybcmjsc.com
Mã số thuế : 5200216647

CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xí nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính tổng hợp đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 52).

SỰ KIỆN ẢNH HƯỞNG ĐÁNG KÊ ĐẾN KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 11.442.302.555 đồng chiếm 9,7% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 167.204.506.512 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chúng mình được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính theo giá định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

SỰ KIẾN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2023 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính tổng hợp.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ ĐIỀU HÀNH, QUẢN LÝ

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo tổng hợp này bao gồm:

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Vũ Xuân Nguyên	Chủ tịch
Ông Phạm Quang Phú	Ủy viên
Ông Phạm Việt Thương	Ủy viên

Các thành viên của Ban kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Chiến	Trưởng ban
Ông Tống Văn Tý	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Đức	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm

Họ và tên	Chức vụ
Ông Phạm Quang Phú	Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Phong	Phó Giám đốc
Ông Phạm Việt Thương	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Giám đốc

<i>Kế toán trưởng</i>	
Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Đình Hoàng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

trong yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không:

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kê toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kê toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Yên Bái, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Thay mặt Ban Giám đốc,

Giám đốc



Phạm Quang Phú



Số : 2812.01/2023/BCTC-NTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP Về Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023

Kính gửi : Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, được lập ngày 29 tháng 03 năm 2024 từ trang 07 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Tầng 2, tòa nhà Platinum Residences, số 6 Nguyễn Công Hoan,
Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

TĐT (84-24) 3761 3399

MĐT www.vpaud.it.vn

F (84-24) 3761 5599

E vpa@ntavn

5

Chi nhánh tại Hà Nội:

Số 12 Phố Mê Trì Hạ, P. Mê Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

98 Vũ Tông Phan, P. An Phú, Q. 2, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Vấn đề nhấn mạnh

Mặc dù không đưa ra ý kiến ngoại trừ, chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến thuyết minh VII.7. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 11.442.302.555 đồng chiếm 9,7% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 167.204.506.512 đồng. Nhưng điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chúng mình được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững. Vì vậy Ban Giám đốc cho rằng việc lập Báo cáo tài chính theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

Vấn đề này không ảnh hưởng đến ý kiến chấp nhận toàn phần nêu trên của chúng tôi.

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNDKHNTK số: 1690-2023-124-1

Nguyễn Thị Tuyết

GCNDKHNTK số: 1475-2023-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN		Mô tả	
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		557.697.089.026	361.558.657.281
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	4.681.939.550	7.963.373.873
1. Tiền	111		4.681.939.550	7.963.373.873
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		355.770.586.031	192.904.643.021
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	328.652.905.426	187.090.446.747
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.136.770.482	8.183.004.916
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.764.704.185	5.118.459.075
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.783.794.062)	(7.487.267.717)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		193.514.801.424	158.824.326.961
1. Hàng tồn kho	141	V.7	193.514.801.424	158.824.326.961
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		3.729.762.021	1.866.313.426
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	656.675.389	997.183.179
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.073.086.632	869.130.247
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOẢNG SÀN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		535.396.033.031		455.804.217.202	
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.889.546.416		4.567.399.332	
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-		-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-		-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-		-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-		-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-		-	
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	4.889.546.416		4.567.399.332	
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-		-	
II. Tài sản cố định	220		401.864.183.648		384.375.871.975	
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	359.385.893.768		342.384.529.004	
<i>Nguyên giá</i>	222		770.209.832.514		719.943.298.534	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(410.823.938.746)		(377.558.769.530)	
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	42.401.289.880		41.903.342.971	
<i>Nguyên giá</i>	225		51.129.188.474		51.843.254.686	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(8.727.898.594)		(9.939.911.715)	
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	77.000.000		88.000.000	
<i>Nguyên giá</i>	228		272.436.364		272.436.364	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(195.436.364)		(184.436.364)	
III. Bất động sản đầu tư	230		-		-	
<i>Nguyên giá</i>	231		-		-	
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-		-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		117.552.674.726		47.500.291.109	
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-		-	
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	117.552.674.726		47.500.291.109	
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	4.476.034.431		4.328.621.683	
1. Đầu tư vào công ty con	251		-		-	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-		-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2a	4.262.469.000		4.262.469.000	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2a	(786.434.569)		(933.847.317)	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.2b	1.000.000.000		1.000.000.000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		6.613.593.810		15.032.033.103	
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	6.613.593.810		15.032.033.103	
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-		-	
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-		-	
4. Tài sản dài hạn khác	268		-		-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.093.093.122.057		817.362.874.483	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã Thuyết		Số cuối năm	Số đầu năm
	số	minh		
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		968.954.020.089	701.596.134.008
I. Nợ ngắn hạn	310		724.901.595.538	546.502.164.006
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13a	308.815.470.322	181.041.980.473
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	77.140.541.124	31.234.912.916
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	12.855.974.065	12.632.394.484
4. Phải trả người lao động	314		16.625.291.591	18.413.872.432
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	8.709.876.808	2.842.648.389
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		29.723.140	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	22.840.805.087	19.243.881.780
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18a	277.883.913.401	281.092.473.532
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		244.052.424.551	155.093.970.002
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13b	55.000.000.000	61.967.422.280
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18b	189.052.424.551	93.126.547.722
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

	NGUỒN VỐN			
	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		124.139.101.968	115.766.740.475
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	124.139.101.968	115.766.740.475
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		118.000.000.000	118.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		9.086.494.455	9.086.494.455
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		261.000.000	261.000.000
5. Cổ phiếu quỹ	415		(258.200.000)	(258.200.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.492.110.068	8.492.110.068
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(11.442.302.555)	(19.814.664.048)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(19.814.664.048)	(28.078.526.667)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		8.372.361.493	8.263.862.619
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.093.093.122.057	817.362.874.483

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú



Lập ngày 29 tháng 03 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay		Năm trước
			Năm nay	Năm trước	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	964.988.826.837	857.598.543.909	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.810.158.001	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		962.178.668.836	857.598.543.909	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	871.456.726.274	774.067.590.766	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		90.721.942.562	83.530.953.143	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	94.461.535	76.445.227	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	40.348.274.073	32.299.569.022	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		40.495.205.571	32.435.149.245	
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	17.862.055.918	19.178.699.625	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	14.318.720.286	14.680.311.435	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		18.287.353.820	17.448.818.288	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	6.859.186	797.485.701	
12. Chi phí khác	32	VI.8	4.353.381.415	7.257.692.964	
13. Lợi nhuận khác	40		(4.346.522.229)	(6.460.207.263)	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		13.940.831.591	10.988.611.025	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.9	5.568.470.098	2.724.748.406	
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		8.372.361.493	8.263.862.619	
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	711,08	701,86	
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	711,08	701,86	

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1. Lợi nhuận trước thuế					
		01	13.940.831.591	10.988.611.025	
2. Điều chỉnh cho các khoản:					
-	Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	37.349.431.265	33.137.754.831	
-	Các khoản dự phòng	03	149.113.597	228.407.977	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	-	-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(94.461.535)	(76.445.227)	
-	Chi phí lãi vay	06	40.495.205.571	32.435.149.245	
-	Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		08	91.840.120.489	76.713.477.851	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(156.791.257.544)	7.526.016.370	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(34.690.474.463)	15.415.667.947	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	171.319.376.978	(5.249.454.822)	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	8.758.947.083	240.578.354	
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-	
-	Tiền lãi vay đã trả	14	(39.912.944.602)	(29.596.718.570)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.829.538.662)	(791.734.861)	
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	-	-	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	37.694.229.279	64.257.832.269	
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
		21	(132.337.856.098)	(75.098.341.754)	
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác					
		22	17.405.481.641	-	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác					
		23	-	-	
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác					
		24	-	-	
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
		25	-	-	
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác					
		26	-	-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia					
		27	94.461.535	76.445.227	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		30	(114.837.912.922)	(75.021.896.527)	

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 27/4, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

	Mã Thuyết số minh	
	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	793.431.179.304
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(699.611.522.374)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(19.957.407.610)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	73.862.249.320
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(3.281.434.323)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	7.963.373.873
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.681.939.550
		7.963.373.873

Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ 61

Người lập biểu

Kế toán trưởng



Lập, ngày 29 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

- ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**
 - Hình thức sở hữu vốn : Công ty Cổ phần
- Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, thương mại
- Ngành nghề kinh doanh:**
 - Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất xi măng;
 - Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá vôi cho sản xuất xi măng;
 - Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Dịch vụ khách sạn;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh và xuất khẩu khoáng sản;
 - Khai thác, chế biến, kinh doanh đá xây dựng;
 - Kinh doanh thương mại - dịch vụ;
 - Kinh doanh bất động sản;
 - Xây dựng công trình dân dụng. /.
- Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng
- Nhân viên**

Tại ngày kết thúc năm tài chính kế toán công ty có 290 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 304 nhân viên).
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

Không có.
- Cấu trúc doanh nghiệp:**

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Nhà máy xi măng	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Xi nghiệp khai thác đá	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
Nhà máy chế biến	Thị trấn Yên Bình - Yên Bình - Yên Bái
- Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên BCTC tổng hợp:**

Số liệu BCTC tổng hợp năm 2023 hoàn toàn nhất quán và đảm bảo tính so sánh được với số liệu BCTC tổng hợp năm 2022.
- NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**
 - Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

III. CHUẨN MỨC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC năm 2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 200/2014/TT-BTC cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bất buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TƯỜNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phi khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phân ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phân ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu từ 3 năm trở lên.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TẠI CHỖ TỜNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất đề lập dự phòng.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chi bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính (hoặc yếu tố chi phí khác cho phù hợp).

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào cuối năm khi có sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá Tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định hữu hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi Tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại Tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc và thiết bị	04 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 – 05

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngân hàng định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngân hàng định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Máy móc và thiết bị	9-15

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5-10 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước ghi nhận chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động SXKD của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí SXKD của các kỳ kế toán sau.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hoàng Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỌNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Ban thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa lớn

Chi phí sửa chữa nhà xưởng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng công ty/Doanh nghiệp, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ..

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuế tài chính

Công ty phải theo dõi chi tiết kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuế tài chính. Các khoản có thời gian trả nợ hơn 12 tháng kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm lập Báo cáo tài chính, kế toán trình bày là vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn để có kế hoạch chi trả.

Đối với khoản nợ thuế tài chính, tổng số nợ thuế phản ánh vào bên Có của tài khoản 341 là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuế tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuế.

Các khoản vay, nợ bằng ngoại tệ phải quy đổi ra đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh;

- Khi trả nợ, vay bằng ngoại tệ, bên Nợ tài khoản 341 được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ kế toán thực tế đích danh cho từng đối tượng;
- Khi lập Báo cáo tài chính, số dư các khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ phải được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc thanh toán và đánh giá lại cuối kỳ khoản vay, nợ thuế tài chính bằng ngoại tệ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TƯỜNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác thuộc chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Các quỹ khác

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn hàng năm.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

14. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông của Công ty cũng như các qui định của pháp luật.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
 - Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
 - Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
 - Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh;

Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì doanh nghiệp được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

+ Nếu sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại nhưng phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính, kế toán phải coi đây là một sự kiện cần điều chỉnh phát sinh sau ngày lập Bảng cân đối kế toán và ghi giảm doanh thu, trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo (kỳ trước).

+ Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ phải giảm giá, phải chiết khấu thương mại, bị trả lại sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì doanh nghiệp ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

17. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, kế toán phải tính ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính vào giá vốn hàng bán trên cơ sở số lượng hàng tồn kho và phân chênh lệch giữa giá trị thuần có thể thực hiện được nhỏ hơn giá gốc hàng tồn kho. Khi xác định khối lượng hàng tồn kho bị giảm giá cần phải trích lập dự phòng, kế toán phải loại trừ khối lượng hàng tồn kho đã ký được hợp đồng tiêu thụ (có giá trị thuần có thể thực hiện được không thấp hơn giá trị ghi sổ) nhưng chưa chuyển giao cho khách hàng nếu có bằng chứng chắc chắn về việc khách hàng sẽ không từ bỏ thực hiện hợp đồng.

18. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phần ảnh hưởng khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tồn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

19. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phần ảnh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

Chi phí quản lý doanh nghiệp phần ảnh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCD dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê mướn bãi, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

21. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phải sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và được ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

ii. Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, công hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành công cụ chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

iii. Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI**KÊ TOÁN TỔNG HỢP****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	96.976.227	22.326.846
Tiền gửi ngân hàng	4.584.963.323	7.941.047.027
Cộng	4.681.939.550	7.963.373.873

2. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**a) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình với tỷ lệ 1,67%

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(933.847.317)	(1.069.427.540)
Hoàn nhập dự phòng(*)	147.412.748	135.580.223
Số cuối năm	(786.434.569)	(933.847.317)

(*) Số hoàn nhập trong năm 2023 dựa trên số liệu Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình chưa được kiểm toán.

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là trái phiếu Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam được phát hành ngày 24 tháng 12 năm 2020, kỳ hạn trái phiếu 07 năm. Đang được cầm cố tại chính ngân hàng này (Xem thuyết minh V.18)

3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoà Bình	17.841.403.088	34.073.852.984
Công ty TNHH Hoàng Nghĩa Ruby	31.087.961.890	27.539.402.890
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Thuận Môn	31.641.280.200	20.068.486.600
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	39.427.523.820	8.544.029.720
Công ty TNHH Một thành viên Tiến Sa	19.237.447.700	-
Công ty Cổ phần sản xuất và thương mại Lao Kay	26.642.135.000	-
Các khách hàng khác	162.775.153.728	96.864.674.553
Cộng	328.652.905.426	187.090.446.747

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
HTX Khai thác Dịch vụ Thương mại và Vận chuyển đá Thanh Hải	18.111.114.315	2.501.555.749
Công ty TNHH MTV Vật tư Hưng Phát	-	1.010.297.477
Công ty TNHH Nguyễn Sinh Phú Thọ	2.299.507.036	-
Các nhà cung cấp khác	8.726.149.131	4.671.151.690
Cộng	29.136.770.482	8.183.004.916

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁIĐịa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**5. Các khoản phải thu khác****a) Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	1.062.010.200	-	867.601.223	(22.100.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	4.702.693.985	-	4.250.857.852	(7.000.000)
Cộng	5.764.704.185	-	5.118.459.075	(29.100.000)

b) Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(7.487.267.717)	(7.123.279.517)
Tăng do trích lập trong năm	(325.626.345)	(363.988.200)
Hoàn nhập trong năm	29.100.000	-
Số cuối năm	(7.783.794.062)	(7.487.267.717)

Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi xem phụ lục số 01.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	172.913.740.644	144.545.237.217
Công cụ, dụng cụ	2.600.000	2.600.000
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	5.255.987.773	3.733.039.143
Thành phẩm	15.342.473.007	10.543.450.601
Cộng	193.514.801.424	158.824.326.961

8. Chi phí trả trước**a) Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	-	8.333.333
Chi phí bảo hiểm	97.319.778	83.327.066
Tiền thuê đất	-	482.241.613
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	559.355.611	423.281.167
Cộng	656.675.389	997.183.179

b) Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm		Tăng trong năm		Kết chuyển vào		Số cuối năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	14.862.088.792	-	4.937.678.030	(13.579.124.440)	19.299.716.822	-	6.220.642.382	-
Công cụ dụng cụ	167.381.944	-	609.945.391	(474.714.169)	292.613.166	-	302.613.166	-
Chênh lệch giá bán TSCĐ và GTCL bán và thuê tài chính	2.562.367	-	-	-	2.562.367	-	-	-
Bảo hiểm rủi ro TS thuê tài chính	-	-	101.877.293	(11.539.031)	90.338.262	-	90.338.262	-
Cộng	15.032.033.103	-	5.649.500.714	(14.067.940.007)	16.624.573.167	-	6.613.593.810	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình						
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng	
Nguyên giá						
Số đầu năm	222.582.884.183	475.931.750.938	20.027.505.245	1.401.158.168	719.943.298.534	
Mua trong năm	145.000.000	39.477.573.773	1.262.373.738	78.000.000	40.962.947.511	
Đầu tư XD/CB hoàn thành	20.752.095.346	19.478.804.388	-	-	40.230.899.734	
Thanh lý, nhượng bán	-	(30.927.313.265)	-	-	(30.927.313.265)	
Số cuối năm	243.479.979.529	503.960.815.834	21.289.878.983	1.479.158.168	770.209.832.514	
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	36.102.383.460	59.637.839.546	3.703.132.108	1.143.158.168	100.586.513.282	
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	114.486.814.855	247.095.194.505	14.797.988.830	1.178.771.340	377.558.769.530	
Khấu hao trong năm	10.798.469.127	17.058.858.668	1.217.279.435	86.972.242	29.161.579.472	
Tăng do mua lại TSCĐ thuê tài chính	-	20.246.311.842	-	-	20.246.311.842	
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.142.722.098)	-	-	(16.142.722.098)	
Số cuối năm	125.285.283.982	268.257.642.917	16.015.268.265	1.265.743.582	410.823.938.746	
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	108.096.069.328	228.836.556.433	5.229.516.415	222.386.828	342.384.529.004	
Số cuối năm	118.194.695.547	235.703.172.917	5.274.610.718	213.414.586	359.385.893.768	

Tài sản cố định có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 546.077.436.255 VND và 213.625.554.684 VND được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn và trung hạn tại ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh tỉnh Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TÓNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc thuê tài chính	
	Nguyên giá	Cộng
Số đầu năm	51.843.254.686	51.843.254.686
Thuê tài chính trong năm	25.642.038.096	25.642.038.096
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(26.356.104.308)	(26.356.104.308)
Số cuối năm	51.129.188.474	51.129.188.474
Giá trị hao mòn		
Số đầu năm	9.939.911.715	9.939.911.715
Khấu hao trong năm	4.073.262.049	4.073.262.049
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(5.285.275.170)	(5.285.275.170)
Số cuối năm	8.727.898.594	8.727.898.594
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	41.903.342.971	41.903.342.971
Số dư cuối năm	42.401.289.880	42.401.289.880

11. Tài sản cố định vô hình

	Nguyên giá		Hao mòn lũy kế		Giá trị còn lại	
	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại		Giá trị còn lại	
Số đầu năm	272.436.364	(184.436.364)	88.000.000		88.000.000	
Tăng trong năm	-	(11.000.000)	(11.000.000)		(11.000.000)	
Số cuối năm	272.436.364	(195.436.364)	77.000.000		77.000.000	
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng			162.436.364			

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ	Kết chuyển vào chi phí trả trước	Số cuối năm
Xây dựng cơ bản dở dang hình thành TSCĐ	45.566.711.931	110.573.418.502	(40.230.899.734)		115.909.230.699
Nhà vệ sinh NMCB	11.528.636	-	-	-	11.528.636
Xây dựng hạng mục khác	8.206.830.031	-	-	-	8.206.830.031
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 2	1.043.672.000	3.247.355.370	(1.043.672.000)	-	3.247.355.370
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền xi măng số 1	3.568.031.181	4.066.201.570	(3.568.031.181)	-	4.066.201.570
Nâng cấp, cải tạo máy nghiền liệu LQ057	1.268.060.000	-	(1.268.060.000)	-	-
Nâng cấp, cải tạo lò nung Clinker	18.964.053.496	15.727.839.662	(18.964.053.496)	-	15.727.839.662
Đo đạc lập hồ sơ mỏ Mông Sơn - Xi nghiệp khai thác đá	87.081.800	-	-	-	87.081.800
Trạm cân điện tử mỏ Tây Bắc Mông Sơn - Xi nghiệp khai thác đá	-	379.330.641	(379.330.641)	-	-
Trạm cân điện tử mỏ Mông Sơn VIB - Xi nghiệp khai thác đá	-	224.571.753	(224.571.753)	-	-
Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số TB công nghệ, giảm CPSSXXM, tăng HQ SXKD	11.824.589.810	67.966.432.774	-	-	79.791.022.584
Nâng cấp, cải tạo máy cán ép số 1	-	4.771.371.046	-	-	4.771.371.046
Dường công vụ thuộc Xi nghiệp khai thác đá	-	1.011.613.499	(1.011.613.499)	-	-
Dây chuyền tách phân loại đá	-	12.995.138.813	(12.995.138.813)	-	-
Cải tạo xây dựng quanh khu vực văn phòng công ty	592.864.977	183.563.374	(776.428.351)	-	-
Sửa chữa lớn TSCĐ	1.933.579.178	4.597.542.879	-	(4.887.678.030)	1.643.444.027
Sửa chữa lớn TSCĐ khác	1.933.579.178	4.597.542.879	-	(4.887.678.030)	1.643.444.027
Cộng	47.500.291.109	115.170.961.381	(40.230.899.734)	(4.887.678.030)	117.552.674.726

13. Phải trả người bán**a) Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Hoà Bình	1.791.849.489	28.318.198.268
Công ty Cổ phần Dầu tư Khoáng sản Đại Dương	19.409.023.168	20.682.794.045
Công ty TNHH MTV thương mại và xây dựng Thuận Môn	13.592.076.795	3.282.357.795
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	20.509.037.140	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát	228.425.008	10.778.717.413
Công ty TNHH một thành viên Tiến Sa	26.994.651.325	1.754.912.035
Công ty TNHH SXDV và TM Quỳnh Anh	23.967.363.798	2.900.170.792
Các nhà cung cấp khác	202.323.043.599	113.324.830.125
Cộng	308.815.470.322	181.041.980.473

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀIĐịa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CAO TÀI CHÍNH TÔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**b) Phải trả người bán dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thương mại và Xây dựng Hồng Phát	20.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Khoáng sản Đại Dương	-	20.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và Xây dựng Thuận Môn	10.000.000.000	10.000.000.000
Công ty TNHH MTV Thuận Hiếu	15.000.000.000	11.967.422.280
Công ty TNHH Hòa bình	10.000.000.000	20.000.000.000
Cộng	55.000.000.000	61.967.422.280

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Rupi Hoàng Sơn	10.286.942.185	10.825.902.185
Công ty TNHH Thương mại Hoàng Sơn	1.849.368.499	4.346.705.199
Công ty TNHH Sản xuất Dịch vụ và Thương mại Quỳnh Anh	4.194.507.400	4.029.857.400
Ông Nguyễn Văn Thuận	2.805.475.000	2.805.475.000
HTX Khai thác Dịch vụ Thương mại và Vận chuyển đá Thanh Hải	30.254.916.202	-
Ông Lương Đoàn Khuê	5.560.274.300	145.314.300
Ông Nguyễn Bá Ngọc	6.159.433.220	189.516.750
Đại lý Nguyễn Thu Lương	5.827.913.310	-
Các khách hàng khác	10.201.711.008	8.892.142.082
Cộng	77.140.541.124	31.234.912.916

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.136.443.755	6.062.413.826	(10.198.857.581)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.711.571.988	5.568.470.098	(2.829.538.662)	5.450.503.424
Thuế thu nhập cá nhân	497.132.174	1.007.904.214	(979.844.613)	525.191.775
Thuế tài nguyên	3.205.119.719	8.635.499.409	(7.346.215.423)	4.494.403.705
Tiền thuế đất	1.038.836.502	-	(517.610.815)	521.225.687
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	1.043.290.346	5.312.124.084	(4.490.764.956)	1.864.649.474
Cộng	12.632.394.484	26.586.411.631	(26.362.832.050)	12.855.974.065

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 8%; 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỌNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm với thuế suất áp dụng là 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác, Công ty kê khai và nộp theo quy định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	3.420.691.644	2.838.430.675
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	5.289.185.164	4.217.714
Cộng	8.709.876.808	2.842.648.389

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
BHXH, BHYT, BHTN	-	671.150.637
Bảo hiểm xã hội (trợ cấp ốm đau, thai sản)	3.771.013.230	3.775.110.730
Công ty Cổ phần Latca (Đặt cọc tiền mua thiết bị)	650.000.000	650.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	35.000.000	35.000.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.859.000	1.859.000
Vay Clinker của Công ty Cổ phần Xi măng Yên Bình	1.756.554.464	1.756.554.464
Khách mua hàng gửi lại kho công ty	12.437.210.936	2.907.254.021
Ông Lã Văn Tâm - đặt cọc tiền mua xi măng	-	6.100.000.000
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	4.189.167.457	3.346.952.928
Cộng	22.840.805.087	19.243.881.780

18. Vay và nợ thuế tài chính**a) Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Dầu tư và				
Phái triển Việt Nam - CN Yên				
Bái (*)	168.048.926.637	168.048.926.637	168.980.877.709	168.980.877.709
Ngân hàng Nông nghiệp và phát				
triển nông thôn Việt Nam - CN				
huyện Yên Bình (**)	99.999.900.000	99.999.900.000	99.977.450.000	99.977.450.000
Vay ngắn hạn các tổ chức cá				
nhân khác	-	-	2.500.000.000	2.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả				
Ngân hàng TMCP Dầu tư và				
Phái triển Việt Nam - CN Yên				
Bái	1.449.869.863	1.449.869.863	1.000.000.000	1.000.000.000
Nợ thuế tài chính đến hạn trả				
Công ty cho thuê tài chính				
Chailase	8.385.216.901	8.385.216.901	8.634.145.823	8.634.145.823
Cộng	277.883.913.401	277.883.913.401	281.092.473.532	281.092.473.532

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(*) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/783294/HĐTD ngày 25 tháng 08 năm 2023. Hạn mức tín dụng 170.000.000.000 VND trong đó đã bao gồm toàn bộ dư nợ vay ngắn hạn được chuyển tiếp từ các Hợp đồng tín dụng ngắn hạn cụ thể theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2022/783294/HĐTD ngày 17 tháng 08 năm 2022 sang. Mục đích vay vốn lưu động; phát hành L/C. Thời hạn cấp hạn mức từ ngày ký hợp đồng đến hết ngày 31 tháng 07 năm 2024, lãi suất được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất ngân hàng trong từng thời kỳ.

Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ giá trị tài sản trên đất và máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, phương tiện vận tải của: Nhà máy chế biến CaCO₃; Nhà máy xi măng công nghệ lò quay; Nhà máy xi măng lò đứng; Văn phòng công ty; Máy móc thiết bị hình thành từ dự án đầu tư xây dựng Trạm nghiền xi măng công suất 450.000 tấn/năm; Xi nghiệp khai thác đá thuộc Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái.

Tài sản đảm bảo là hàng tồn kho/hàng hóa luân chuyển của công ty theo hợp đồng khung thế chấp tài sản số 02/2023/78294/HĐDB và biên bản định giá ngày 31/7/2023 giá trị tài sản thế chấp là 102.083.000.000 VND

Tài sản đảm bảo là quyền đòi nợ/các khoản phải thu của công ty theo hợp đồng thế chấp số 01/2023/783294/HĐDB ngày 31/07/2023 và Biên bản định giá ngày 31/7/2023 giá trị tài sản đảm bảo là 93.240.000.000 VND

(**) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Huyện Yên Bình Bắc Yên Bái theo Hợp đồng tín dụng số 01.01.2023/HĐTD ngày 16 tháng 01 năm 2023. Hạn mức tín dụng là 100.000.000.000 VND. Hạn mức tín dụng trên bao gồm hạn mức cho vay và mở LC thanh toán vốn vay bằng VND. Mục đích khoản vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022-2023. Thời gian duy trì hạn mức tín dụng là 12 tháng tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực, lãi suất quy định trên từng giấy nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng 100% tài sản theo các hợp đồng thế chấp như sau:

+ Thế chấp tài sản là Dây chuyền máy móc thiết bị (dành cho nhiên liệu thay thế) gồm: Hệ thống cứu hỏa, Hệ thống nhà kho chứa nhiên liệu thay thế; Hệ thống nghiền nhiên liệu thay thế; Hệ thống băng tải cấp nhiên liệu thay thế; Hệ thống buồng đốt phụ; Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0623.2023/HĐTC ngày 16/01/2023 giữa ngân hàng và bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 32.319.469.754 VND.

+ Thế chấp tài sản là giá trị quyền khai thác khoáng sản (quyền khai thác mỏ) bao gồm: Mỏ đá hoa tại các khối trữ lượng 6-B, 1-C1, 2-C1, 3-C1, 4-C1, 5-C1 thuộc khu vực Tây Bắc mỏ Mông Sơn, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái và Mỏ đá hoa tại khu vực Mông Sơn VIB, xã Mông Sơn, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái. Theo hợp thế chấp tài sản số 25-2021/HĐTC ngày 02/11/2021 và hợp đồng sửa đổi bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản số 0101.2023/PLHĐTC ngày 16/01/2023 giữa Ngân hàng và bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 127.355.000.000 VND.

+ Thế chấp tài sản là Máy đào bánh lốp BD95W-9B1 nhãn hiệu BAODING; Máy xúc lật SDLG nhãn hiệu SDLG theo Hợp đồng thế chấp phương tiện máy móc số 0323.2023/HĐTC ngày 16/1/2023 giữa Ngân hàng và Bên thế chấp là Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái, giá trị tài sản đảm bảo là 1.930.000.000 VND.

+ Cầm cố tài sản là Trái phiếu Agribank theo Hợp đồng cầm cố tài sản số: 03-2021/ HĐTC ngày 10/03/2021 giữa Ngân hàng và Bên cầm cố là Công ty Cổ phần xi măng và khoáng sản Yên Bái.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀIĐịa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Kết chuyển từ		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
			vay và nợ dài hạn	hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	268.958.327.709	704.113.079.373	-	(705.022.580.445)	268.048.826.637	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	168.980.877.709	411.192.920.819	-	(412.124.871.891)	168.048.926.637	
Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam - CN huyện Yên Bình	99.977.450.000	292.920.158.554	-	(292.897.708.554)	99.999.900.000	
Vay ngắn hạn các tổ chức cá nhân khác	2.500.000.000	-	-	(2.500.000.000)	-	
Vay dài hạn đến hạn trả	1.000.000.000	-	1.200.000.000	(750.130.137)	1.449.869.863	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	1.000.000.000	-	1.200.000.000	(750.130.137)	1.449.869.863	
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	8.634.145.823	-	8.385.216.901	(8.634.145.823)	8.385.216.901	
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease	8.634.145.823	-	8.385.216.901	(8.634.145.823)	8.385.216.901	
Cộng	281.092.473.532	704.113.079.373	9.585.216.901	(716.906.856.405)	277.883.913.401	

b) Vay và nợ thuế tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái (1)	60.647.191.104	60.647.191.104	18.599.091.173	18.599.091.173
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác				
Ông Nguyễn Ngọc Phương (3)	14.900.000.000	14.900.000.000	14.900.000.000	14.900.000.000
Ông Vũ Xuân Nguyên (3)	14.100.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000	14.100.000.000
Bà Vũ Thị Thanh Ngân (3)	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000	12.000.000.000
Bà Lê Thị Thanh Hương (3)	13.470.000.000	13.470.000.000	7.500.000.000	7.500.000.000
Bà Ninh Thị Tuyết (3)	11.000.000.000	11.000.000.000	-	-
Ông Lã Văn Tâm (3)	10.800.000.000	10.800.000.000	-	-
Vay dài hạn các tổ chức, cá nhân khác (3)	37.100.000.000	37.100.000.000	4.700.000.000	4.700.000.000
Vay dài hạn các cá nhân khác (4)	3.156.299.400	3.156.299.400	17.756.299.400	17.756.299.400
Nợ thuế tài chính				
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease (2)	11.878.934.047	11.878.934.047	3.571.157.149	3.571.157.149
Cộng	189.052.424.551	189.052.424.551	93.126.547.722	93.126.547.722

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

(1) Là khoản vay Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt nam – Chi nhánh Yên Bái theo các hợp đồng tín dụng sau:

a. Hợp đồng số 02/2021/783294/HDTĐ ngày 15/07/2021. Mục đích vay: Hoàn vốn đầu tư và thanh toán chi phí Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái nhằm nâng cao năng lực sản xuất. Số tiền vay: 20.000.000.000 VND với thời gian 7 năm kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm áp dụng đến ngày 10/01/2022 và được điều chỉnh 6 tháng/lần theo thông báo lãi suất của BHDB; Tài sản đảm bảo là các tài sản thuộc Dự án cải tạo, nâng cấp hệ thống máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất, nhà cửa vật kiến trúc thuộc Công ty cổ phần Xi măng và khoáng sản Yên Bái.

b. Hợp đồng tín dụng số 02/2023/783294/HDTĐ ngày 28/12/2023, mục đích vay bảo lãnh thực hiện dự án cải tạo, thay thế, lắp đặt mới một số thiết bị công nghệ, giám chi phí sản xuất xi măng, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Xi măng và Khoáng sản Yên Bái. Số tiền vay 80.000.000.000 VND với thời hạn vay 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn 9,5%/năm và được điều chỉnh 12 tháng/lần theo thông báo lãi suất.

-Tài sản đảm bảo là bất động sản thuộc sở hữu bên thứ 3 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 02/2023/783294/HDTĐ ngày 27/12/2023. Tổng giá trị tài sản thế chấp theo Biên bản định giá số 11/2023/783294/BBDG ngày 27/12/2023 là 3.040.000.000 VND.

-Tài sản đảm bảo là toàn bộ tài sản và quyền tài sản hình thành trong tương lai sau đầu tư dự án Cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ phục vụ sản xuất kinh doanh gồm: Lò quay; hệ thống cyclom tháp trao đổi nhiệt; hệ thống ghi làm nguội clinker, lò nhiệt phân rác thải. Tổng giá trị tài sản thế chấp là 118.700.000.000 VND.

(2) Là khoản thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH một thành viên Quốc tế Chailcase – Chi nhánh Hà Nội theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng thuê tài chính số 230360712 ngày 31/03/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền bột đá; Máy tráng phủ; Máy sấy si bông; Máy cán ép. Tổng giá trị tài sản thuê là 17.756.994.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số 231112812 ngày 10/11/2023, tài sản thuê bao gồm: Máy nghiền rulo clanke kiểu XYG140-80; Sàng quay đôi; Hệ thống gầu tải B800xL28500 – model N-TGD800H-L28500. Tổng giá trị tài sản thuê là 10.259.261.280 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C2011108612, tài sản thuê bao gồm: Máy cán ép, Hệ thống lọc bụi xử lý khí thải, Máy đóng bao, tổng giá trị tài sản thuê là 21.924.754.306 VND, thời hạn cho thuê là 48 tháng.

- Hợp đồng thuê tài chính số C211034013, tài sản thuê bao gồm: 05 Máy đào bánh xích, tổng giá trị tài sản thuê là 6.111.111.111 VND, thời hạn cho thuê là 36 tháng.

(3) Là khoản vay các tổ chức, cá nhân khác theo các khế ước cho vay với thời gian tối thiểu là 10 năm, tối đa 20 năm (theo từng khế ước và biên bản thỏa thuận), lãi suất theo từng khế ước, mục đích sử dụng vốn là dùng cho Dự án cải tạo, thay thế, lắp mới một số thiết bị công nghệ, giám CPSX, tăng hiệu quả kinh doanh và phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

(4) Là khoản vay các cá nhân khác theo các khế ước cho vay với số dư đến thời điểm 31/12/2023 là 3.156.299.400 VND thời gian vay tối đa 18 tháng, lãi suất theo từng khế ước, mục đích sử dụng vốn là bổ sung vốn lưu động cho công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn ngân hàng	18.599.091.173	43.248.099.931	-	(1.200.000.000)	60.647.191.104
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Yên Bái	18.599.091.173	43.248.099.931	-	(1.200.000.000)	60.647.191.104
Vay dài hạn các tổ chức cá nhân khác	70.956.299.400	46.070.000.000	(500.000.000)	-	116.526.299.400
Nợ thuê tài chính	3.571.157.149	28.016.255.586	(11.323.261.787)	(8.385.216.901)	11.878.934.047
Công ty cho thuê tài chính Chaitlease	3.571.157.149	28.016.255.586	(11.323.261.787)	(8.385.216.901)	11.878.934.047
Cộng	93.126.547.722	117.334.355.517	(11.823.261.787)	(9.585.216.901)	189.052.424.551

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**19. Vốn chủ sở hữu****a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(28.078.526.667)	107.502.877.856
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	8.263.862.619	8.263.862.619
Số dư cuối năm trước	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(19.814.664.048)	115.766.740.475
Số dư đầu năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(19.814.664.048)	115.766.740.475
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	-	8.372.361.493	8.372.361.493
Số dư cuối năm nay	118.000.000.000	9.086.494.455	261.000.000	(258.200.000)	8.492.110.068	(11.442.302.555)	124.139.101.968

b) Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.800.000	11.800.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.800.000	11.800.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(25.820)	(25.820)
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(25.820)	(25.820)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.774.180	11.774.180
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	11.774.180	11.774.180

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

20. Các khoản mục ngoài bảng Cân đối kế toán tổng hợp

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại		
<i>Dollar Mỹ (USD)</i>	225,59	225,59

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm nay		Năm trước	
Tổng doanh thu	964.988.826.837	857.598.543.909		
<i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	964.988.826.837	857.598.543.909		
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(2.810.158.001)	-		
<i>Chiết khấu thương mại</i>	(2.810.158.001)	-		
Doanh thu thuần	962.178.668.836	857.598.543.909		
2. Giá vốn hàng bán	Năm nay		Năm trước	
Giá vốn của thành phẩm đã bán	871.456.726.274	774.067.590.766		
Cộng	871.456.726.274	774.067.590.766		
3. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm nay		Năm trước	
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	7.461.535	8.145.227		
Lãi trái phiếu	87.000.000	68.300.000		
Cộng	94.461.535	76.445.227		
4. Chi phí tài chính	Năm nay		Năm trước	
Chi phí lãi vay	40.495.205.571	32.435.149.245		
Lãi mua hàng chậm trả	481.250	-		
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng tổn thất đầu tư	(147.412.748)	(135.580.223)		
Cộng	40.348.274.073	32.299.569.022		
5. Chi phí bán hàng	Năm nay		Năm trước	
Chi phí cho nhân viên	2.279.934.651	2.173.133.932		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.278.536.353	15.918.888.329		
Các chi phí khác	4.303.584.914	1.086.677.364		
Cộng	17.862.055.918	19.178.699.625		
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay		Năm trước	
Chi phí cho nhân viên	8.555.045.333	7.920.491.610		
Chi phí khấu hao tài sản cố định	411.419.967	389.390.606		
Thuế, phí và lệ phí	6.131.214	7.858.000		
Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	296.526.345	363.988.200		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.478.137.730	1.253.328.996		
Các chi phí khác	2.571.459.697	4.745.254.023		
Cộng	14.318.720.286	14.680.311.435		

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	7. Thu nhập khác	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền ứng hộ	-	15.000.000
Thu nhập khác	6.859.186	782.485.701
Cộng	6.859.186	797.485.701
	8. Chi phí khác	
	Năm nay	Năm trước
Lãi phạt quá hạn thanh toán	1.186.962.436	4.688.444.047
Các khoản phạt, chậm nộp thuế, BHXH	1.722.781.899	1.070.396.645
Chi ứng hộ	1.093.559.000	1.338.249.000
Xử lý công nợ	240.181.084	-
Chi phí khác	109.896.996	160.603.272
Cộng	4.353.381.415	7.257.692.964
	9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:	13.940.831.591	10.988.611.025
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	13.311.685.530	2.569.248.917
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	13.311.685.530	2.569.248.917
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.722.200.230	1.070.396.645
<i>Tiền phạt truy thu, phạt thuế, BHXH</i>	-	1.338.249.000
<i>Chi phí ứng hộ</i>	11.589.485.300	-
<i>Chi phí lãi vay không được trừ</i>	-	160.603.272
<i>Chi phí khác</i>	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	27.252.517.121	13.557.859.942
Thu nhập tính thuế	20%	20%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	5.450.503.424	2.711.571.988
<i>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</i>	<i>117.966.674</i>	<i>13.176.418</i>
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	5.568.470.098	2.724.748.406

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	8.372.361.493	8.263.862.619
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	11.774.180	11.774.180
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	711,08	701,86
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:		
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	Năm nay	Năm trước
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	11.774.180	11.774.180
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.774.180	11.774.180

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Bù trừ tiền phải thu bán tài sản và phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính	9.161.188.208	-
Bù trừ tiền phải trả tiền vay thuê tài sản tài chính và ký quỹ, ký cược dài hạn	1.449.585.737	-
Nhận nợ thuê tài chính	28.016.255.586	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Thông tin về các bên liên quan**

a) Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, tiền thưởng		
Ông Vũ Xuân Nguyên	298.156.740	249.193.650
Ông Phạm Quang Phú	410.684.230	383.468.539
Ông Phạm Việt Thương	365.472.500	297.542.000
Ông Đặng Văn Thắng	-	255.734.461
Ông Nguyễn Quang Chiến	339.896.116	325.839.693
Ông Nguyễn Hồng Phong	551.682.409	601.777.913
Ông Nguyễn Đình Hoàng	315.268.858	307.746.470
Ông Tống Văn Ty	167.307.800	139.763.400
Ông Nguyễn Văn Đức	237.787.700	241.923.900
Cộng	2.686.256.353	2.802.990.026

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan.

b) Giao dịch với các bên liên quan khác

Tại thời điểm kết thúc năm tài chính công ty không có công nợ với các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

A, Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

Lĩnh vực kinh doanh Xi măng và Klinker
Lĩnh vực kinh doanh Bột đá & Đá hộc

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN AÌ MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

	<u>Xi măng</u>	<u>Bột đá</u>	<u>Cộng</u>
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	776.404.573.632	185.774.095.204	962.178.668.836
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	776.404.573.632	185.774.095.204	962.178.668.836
Chi phí theo bộ phận	721.653.719.369	149.803.006.905	871.456.726.274
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	54.750.854.263	35.971.088.299	90.721.942.562
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(32.180.776.204)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			58.541.166.358
Doanh thu hoạt động tài chính			94.461.535
Chi phí tài chính			(40.348.274.073)
Thu nhập khác			6.859.186
Chi phí khác			(4.353.381.415)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(5.568.470.098)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			8.372.361.493
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	181.446.983.815	1.090.785.857	182.537.769.672
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	41.492.008.738	9.925.362.534	51.417.371.272

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Xi măng và klinker</u>	<u>Bột đá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	874.964.107.136	170.550.731.087	1.045.514.838.223
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			47.578.283.834
Tổng tài sản			<u>1.093.093.122.057</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	364.096.038.447	91.249.054.660	455.345.093.107
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			513.608.926.982
Tổng nợ phải trả			<u>968.954.020.089</u>
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	676.034.731.586	97.758.913.381	773.793.644.967
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			43.569.229.516
Tổng tài sản			<u>817.362.874.483</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	246.267.976.721	29.687.891.396	275.955.868.117
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			425.640.265.891
Tổng nợ phải trả			<u>701.596.134.008</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị số sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.681.939.550	7.963.373.873	4.681.939.550	7.963.373.873
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải thu khách hàng	320.869.111.364	179.632.279.030	320.869.111.364	179.632.279.030
Các khoản phải thu khác	10.654.250.601	9.656.758.407	10.654.250.601	9.656.758.407
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	3.476.034.431	3.328.621.683	3.476.034.431	3.328.621.683
Cộng	340.681.335.946	201.581.032.993	340.681.335.946	201.581.032.993

Nợ phải trả tài chính

Vay và nợ phải trả người bán	466.936.337.952	374.219.021.254	466.936.337.952	374.219.021.254
Các khoản phải trả khác	363.815.470.322	243.009.402.753	363.815.470.322	243.009.402.753
Cộng	878.927.781.760	657.728.826.608	878.927.781.760	657.728.826.608

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị số sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu mở thư tín dụng đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đón đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

5. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống		Trên 1 năm đến 5 năm		Tổng
	Trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm		
Số cuối năm					
Vay và nợ	277.883.913.401	112.782.424.551	76.270.000.000	466.936.337.952	
Phải trả người bán	308.815.470.322	55.000.000.000	-	363.815.470.322	
Các khoản phải trả khác	48.175.973.486	-	-	48.175.973.486	
Cộng	634.875.357.209	167.782.424.551	76.270.000.000	878.927.781.760	

Số đầu năm

Vay và nợ	281.092.473.532	93.126.547.722	-	374.219.021.254
Phải trả người bán	181.041.980.473	61.967.422.280	-	243.009.402.753
Các khoản phải trả khác	40.500.402.601	-	-	40.500.402.601
Cộng	502.634.856.606	155.093.970.002	-	657.728.826.608

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

6. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền và các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lộ, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỌNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 khoản lỗ lũy kế của Công ty là 11.442.302.555 đồng chiếm 9,7% vốn đầu tư của chủ sở hữu và nợ ngắn hạn vượt quá tổng tài sản ngắn hạn là 167.204.506.512 đồng. Những điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Tuy nhiên do tiếp tục đầu tư mở rộng sản xuất, tăng sản lượng dẫn tới kết quả kinh doanh của Công ty vẫn đang có lãi, và có chiều hướng phát triển tích cực. Bên cạnh đó, do chứng minh được năng lực tài chính và định hướng phát triển kinh doanh tốt, Công ty vẫn tiếp tục được các Ngân hàng Ngân hàng TMCP Dầu tư và Phát triển Việt nam - CN Yên Bái, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – CN Yên Bình cho vay. Do vậy vốn hoạt động của Công ty luôn duy trì ở mức ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển bền vững.

Từ các yếu tố này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng các vấn đề nêu trên sẽ không ảnh hưởng đến tính hoạt động liên tục của Công ty, Báo cáo tài chính được lập theo giả định Hoạt động liên tục vẫn là phù hợp.

8. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2022 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÀIĐịa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái
BẢO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)

Một số chi tiêu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tổng hợp, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp được điều chỉnh lại theo biên bản thanh tra thuế, cụ thể như sau:

	Mã số	Số liệu theo BCTC đã kiểm toán năm trước		Số liệu điều chỉnh lại	Số liệu sau điều chỉnh
		toán năm trước	điều chỉnh lại		
Bảng cân đối kế toán					
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(7.691.589.468)	204.321.751	(7.487.267.717)	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	181.798.364.269	(756.383.796)	181.041.980.473	
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12.427.076.957	205.317.527	12.632.394.484	
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	7.508.474.599	755.388.020	8.263.862.619	
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh					
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	14.884.633.186	(204.321.751)	14.680.311.435	
Thu nhập khác	31	41.101.905	756.383.796	797.485.701	
Lợi nhuận khác	40	(7.216.591.059)	756.383.796	(6.460.207.263)	
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	10.027.905.478	960.705.547	10.988.611.025	
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	2.519.430.879	205.317.527	2.724.748.406	
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	70;71		64,15	701,86	
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ					
Các khoản dự phòng tăng, giảm các khoản phải trả	03	432.729.728	(204.321.751)	228.407.977	
	11	(4.493.071.026)	(756.383.796)	(5.249.454.822)	

Lập ngày 29 tháng 03 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Vũ Thị Hồng Nhung

Nguyễn Đình Hoàng

Phạm Quang Phú

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công nợ phải thu khách hàng		11.727.212.114	7.783.794.062		10.641.790.964	7.458.167.717
20 MICRONS LIMITED	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241	Quá hạn trên 3 năm	82.852.241	82.852.241
20 MICRONS SDN. BHD.	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384	Quá hạn trên 3 năm	16.543.384	16.543.384
Bà Hương Cải	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600	Quá hạn trên 3 năm	9.594.600	9.594.600
Bà Hào	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000	Quá hạn trên 3 năm	17.540.000	17.540.000
Bà Lon - Km 13	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000	Quá hạn trên 3 năm	11.736.000	11.736.000
CN CtyTNHH1TV hơi KN que hàn-NM ĐĐ&HC Trảng Kênh	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550	Quá hạn trên 3 năm	166.436.500	116.505.550
Cty TNHH xi măng Việt Quang	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600	Quá hạn trên 3 năm	99.820.600	99.820.600
Cty TNHH TM và Đầu tư Bắc Việt	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000	Quá hạn trên 3 năm	39.500.000	39.500.000
Công ty CP sản xuất thương mại ATD	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000	Quá hạn trên 3 năm	6.400.000	6.400.000
Công ty CP TM & ô tô Hàn Việt	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000	Quá hạn trên 3 năm	68.000.000	68.000.000
Công ty CP XD & PT cơ sở hạ tầng VINASHIN	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000	Quá hạn trên 3 năm	59.700.000	59.700.000
Công ty CP XD phát triển Hoà Anh	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000	Quá hạn trên 3 năm	21.600.000	21.600.000
Công ty CP XD và thương mại Tiến Thành	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006	Quá hạn trên 3 năm	17.758.006	17.758.006
Công ty CP xi măng Lai Châu	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700	Quá hạn trên 3 năm	123.905.700	123.905.700
Công ty CP XL và Thương mại Ba Vì	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410	Quá hạn trên 3 năm	7.420.410	7.420.410
Công ty CP đầu tư & PT Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000	Quá hạn trên 3 năm	15.200.000	15.200.000
Công ty cổ phần Thông Việt	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000	Quá hạn trên 3 năm	444.956.000	444.956.000
Công ty cổ phần xây dựng và Đầu tư Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000	Quá hạn trên 3 năm	104.820.000	104.820.000
Công ty cổ phần giao thông - Xây dựng HJC1	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000	Quá hạn trên 3 năm	6.385.000	6.385.000
Công ty cổ phần Hoá phẩm Dầu khí DMC -	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045	Quá hạn trên 3 năm	6.569.045	6.569.045

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Miền bắc						
Công ty cổ phần LILAMA 3	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204	Quá hạn trên 3 năm	175.784.204	175.784.204
Công ty cổ phần sản xuất và vận tải Thái Sơn	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000	Quá hạn trên 3 năm	325.250.000	227.675.000
Công ty cổ phần XD và TM Sóng Hồng	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000	Quá hạn trên 3 năm	58.200.000	58.200.000
Công ty cổ phần xây dựng hạ tầng Thanh Xuân	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000	Quá hạn trên 3 năm	310.695.000	310.695.000
Công ty cổ phần xây lắp và Đầu tư Sông Đà	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000	Quá hạn trên 3 năm	105.860.000	105.860.000
Công ty cầu 13	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000	Quá hạn trên 3 năm	13.843.000	13.843.000
Công ty TM Hạ Long	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000	Quá hạn trên 3 năm	55.000.000	55.000.000
Công ty TNHH Bình Minh	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400	Quá hạn trên 3 năm	38.418.400	38.418.400
Công ty TNHH Chiến Công	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000	Quá hạn trên 3 năm	52.160.000	52.160.000
Công ty TNHH Chính Dũng	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000	Quá hạn trên 3 năm	22.110.000	22.110.000
Công ty TNHH Duy Thanh	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300	Quá hạn trên 3 năm	82.510.300	82.510.300
Công ty TNHH Gia Phát	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000	Quá hạn trên 3 năm	40.000.000	40.000.000
Công ty TNHH Hải Ninh	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500	Quá hạn trên 3 năm	8.285.500	8.285.500
Công ty TNHH Hợp Lực	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000	Quá hạn trên 3 năm	55.500.000	55.500.000
Công ty TNHH Hùng dũng	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550	Quá hạn trên 3 năm	3.133.550	3.133.550
Công ty TNHH kỹ nghệ Thái Dương	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000	Quá hạn trên 3 năm	156.800.000	156.800.000
Công ty TNHH Long Thịnh	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000	Quá hạn trên 3 năm	87.100.000	87.100.000
Công ty TNHH MTV Thương mại và XD Quốc Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000	Quá hạn trên 3 năm	44.550.000	44.550.000
Công ty TNHH một thành viên 207	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928	Quá hạn trên 3 năm	64.004.928	64.004.928
Công ty TNHH một thành viên thương mại Hùng Cường	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000	Quá hạn trên 3 năm	54.000.000	54.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH một thành viên Việt Nhi	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000	Quá hạn trên 3 năm	14.400.000	14.400.000
Công ty TNHH một thành viên Tây Bắc	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000	Quá hạn trên 3 năm	130.000.000	130.000.000
Công ty TNHH Nam Thanh	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000	Quá hạn trên 3 năm	330.718.000	330.718.000
Công ty TNHH Nhung Hùng Lào Cai	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440	Quá hạn trên 3 năm	59.382.440	59.382.440
Công ty TNHH Phú giang	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000	Quá hạn trên 3 năm	12.279.000	12.279.000
Công ty TNHH Quang Long	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000	Quá hạn trên 3 năm	3.840.000	3.840.000
Công ty TNHH SXTM Thái Thịnh Hoàng	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275	Quá hạn trên 3 năm	63.921.275	63.921.275
Công ty TNHH sản xuất & TM Mỹ Đức	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000	Quá hạn trên 3 năm	23.276.000	23.276.000
Công ty TNHH Thanh Long	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	7.665.000
Công ty TNHH Thanh Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000	Quá hạn trên 3 năm	4.100.000	4.100.000
Công ty TNHH thương mại Gia Tùng	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775	Quá hạn trên 3 năm	20.969.775	20.969.775
Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Đại Trường Phúc	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000	Quá hạn trên 3 năm	57.300.000	57.300.000
Công ty TNHH TM DV SINABO	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000	Quá hạn trên 3 năm	1.325.000	1.325.000
Công ty TNHH Tùng Hương	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000	Quá hạn trên 3 năm	93.870.000	93.870.000
Công ty TNHH xây dựng công trình số VI	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000	Quá hạn trên 3 năm	100.730.000	100.730.000
Công ty TNHH Đăng Khoa	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000	Quá hạn trên 3 năm	41.950.000	41.950.000
Công ty TNHH Đại Hưng	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000
Công ty TNHH Đất Đá	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400	Quá hạn trên 3 năm	19.705.400	19.705.400
Cửa hàng Phú lương	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999	Quá hạn trên 3 năm	3.079.999	3.079.999
DNTN TM - DV - SX Tân Hải Nam	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365	Quá hạn trên 3 năm	218.257.365	218.257.365
Doanh nghiệp TN Tín Phát	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000	Quá hạn trên 3 năm	12.000.000	12.000.000
Doanh nghiệp TN Việt Trung	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000	Quá hạn trên 3 năm	500.000	500.000
Doanh nghiệp tư nhân Oanh Hiếu	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000	Quá hạn trên 3 năm	33.875.000	33.875.000
Doanh nghiệp tư nhân Thành Lựu	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000	Quá hạn trên 3 năm	35.885.000	35.885.000



CÔNG TY CỔ PHẦN AI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Doanh nghiệp tư nhân Vinh Tập	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203	Quá hạn trên 3 năm	178.436.004	124.905.203
Gulshan Polyols Limited	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782	Quá hạn trên 3 năm	849.782	849.782
Jupiter Chemicals	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395	Quá hạn trên 3 năm	2.853.395	2.853.395
Nguyễn Trung Kiên	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000	Quá hạn trên 3 năm	24.000.000	24.000.000
Nguyễn Trí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000	Quá hạn trên 3 năm	10.100.000	10.100.000
Ngô Chí Dũng	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000	Quá hạn trên 3 năm	8.640.000	8.640.000
Sarthak International	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420	Quá hạn trên 3 năm	3.841.420	3.841.420
Tạ Văn Tuyền	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000	Quá hạn trên 3 năm	60.000.000	60.000.000
VIMAL MICRONS LTD	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650	Quá hạn trên 3 năm	295.650	295.650
Vũ Hoàng Chương	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750	Quá hạn trên 3 năm	13.055.750	13.055.750
XNCN& DV TMTH Nam Việt- Cty CP tập đoàn Tân Mai	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565	Quá hạn trên 3 năm	98.707.565	98.707.565
Xí nghiệp giấy Hiền Hoà	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000	Quá hạn trên 3 năm	10.950.000	10.950.000
Ô.Tuý- Cty H/C khoáng sản XD	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000	Quá hạn trên 3 năm	14.832.000	14.832.000
Ông Dũng - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000	Quá hạn trên 3 năm	1.400.000	1.400.000
Ông Hưng - Thanh tra	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000	Quá hạn trên 3 năm	24.462.000	24.462.000
Ông Nuôi - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000	Quá hạn trên 3 năm	5.916.000	5.916.000
Ông Quý - Sở địa chính	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000	Quá hạn trên 3 năm	2.728.000	2.728.000
Ông Sao - Viện nghiên cứu máy	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000	Quá hạn trên 3 năm	10.230.000	10.230.000
Ông Thuận - Cục đầu tư	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390	Quá hạn trên 3 năm	3.112.390	3.112.390
Ông Thắng	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000	Quá hạn trên 3 năm	10.000.000	10.000.000
Ông Toàn - Cty CPXD & KD nhà	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650	Quá hạn trên 3 năm	5.373.650	5.373.650
Ông Trần Ngọc Uy	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000	Quá hạn trên 3 năm	2.160.000	2.160.000
Ông Vành	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800	Quá hạn trên 3 năm	4.982.800	4.982.800
Ông Vũ Nuy - Yên Bái	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000	Quá hạn trên 3 năm	3.450.000	3.450.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng
Ông Đông - Phúc yên	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500	Quá hạn trên 3 năm	142.428.500	142.428.500
Ông ưu - Sở xây dựng	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000	Quá hạn trên 3 năm	2.730.000	2.730.000
Đại lý bà Hiệu	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	33.000.000	Quá hạn trên 3 năm	33.000.000	33.000.000
Đại lý bà Hợp	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	17.150.000	Quá hạn trên 3 năm	17.150.000	17.150.000
Đại lý bà Lịch	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	16.310.000	Quá hạn trên 3 năm	16.310.000	16.310.000
Đại lý bà Phương	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400	Quá hạn trên 3 năm	3.028.400	3.028.400
Đại lý bà Tám	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000	Quá hạn trên 3 năm	3.000.000	3.000.000
Đại lý Hải Huệ	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	31.015.000	Quá hạn trên 3 năm	31.015.000	31.015.000
Đại lý Hồng Hải	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436	Quá hạn trên 3 năm	24.102.436	24.102.436
Đại lý Mơ Nhỡ	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	14.104.000	Quá hạn trên 3 năm	14.104.000	14.104.000
Đại lý Thanh Sơn	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000	Quá hạn trên 3 năm	48.190.000	48.190.000
Đại lý ông Hồng	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	38.579.080	Quá hạn trên 3 năm	38.579.080	38.579.080
Đại lý ông Lưu	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200	Quá hạn trên 3 năm	15.672.200	15.672.200
Đại lý ông Minh - Vĩnh yên	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000	Quá hạn trên 3 năm	1.300.000	1.300.000
Đại lý ông Nguyễn Phi Long	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	28.831.380	Quá hạn trên 3 năm	28.831.380	28.831.380
Đại lý ông Nguyễn Văn Tịnh	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	18.098.995	Quá hạn trên 3 năm	18.098.995	18.098.995
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	71.970.000	Quá hạn trên 3 năm	71.970.000	71.970.000
Đại lý ông Tuấn	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	65.801.430	Quá hạn trên 3 năm	65.801.430	65.801.430
Đại lý ông Vàng	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	34.139.500	Quá hạn trên 3 năm	34.139.500	34.139.500
Đại lý ông Vỹ	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020	Quá hạn trên 3 năm	44.348.020	44.348.020
Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939	1.082.730.282	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	3.609.100.939	1.082.730.282
Công ty cổ phần Gia Phát Phú Thọ	Quá hạn trên 3 năm	198.894.000	198.894.000	Quá hạn 1 năm đến dưới 2 năm	198.894.000	198.894.000
Công ty cổ phần giấy Thành Đạt	Quá hạn 1 năm đến	647.044.056	194.113.217	Quá hạn 1 năm đến	647.044.056	194.113.217

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VÀ KHOÁNG SẢN YÊN BÁI

Địa chỉ: Số 274, đường Hương Lý, tổ 12, thị trấn Yên Bình, huyện Yên Bình, tỉnh Yên Bái

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Thời gian quá hạn dưới 2 năm	Giá gốc	Dự phòng	Thời gian quá hạn dưới 2 năm	Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Một thành viên Thành Nam QB	Quá hạn trên 3 năm	608.640.000	608.640.000	Quá hạn trên 3 năm	608.640.000	608.640.000
Công ty TNHH Cường Phú	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	256.900.000	77.070.000		-	-
Vật liệu xây dựng Hiếu Ngọc	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	280.600	84.180		-	-
Ông Phùng Huy Bình	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	46.600.000	13.980.000		-	-
Đại lý Nguyễn Thị Thu Lương	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	500.000.000	150.000.000		-	-
Đại lý Trần Trung Phúc	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	153.484.000	46.045.200		-	-
Đại lý Sen Luyến	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	58.270.300	17.481.090		-	-
Đại lý Vinh Mùi	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	27.670.000	8.301.000		-	-
Đại lý Duy Thúy	Quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm	42.216.250	12.664.875		-	-
Công nợ phải thu khác		29.100.000	-		29.100.000	29.100.000
Chu thành khiêm (dư trên 141)	Nợ đã xử lý	1.100.000	-	Quá hạn trên 3 năm	1.100.000	1.100.000
Nguyễn Văn Minh (dư trên 141)	Nợ đã xử lý	21.000.000	-	Quá hạn trên 3 năm	21.000.000	21.000.000
Lương Văn Tèo (dư trên 138)	Nợ đã xử lý	7.000.000	-	Quá hạn trên 3 năm	7.000.000	7.000.000
Cộng		11.756.312.114	7.783.794.062		10.670.890.964	7.487.267.717

